

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH11 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội như sau:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng thu phí sử dụng đường bộ tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ để hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 159/2013/TT-BTC).

Điều 2. Biểu mức thu

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội (mức thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Điều 3. Quy trình thu phí và chứng từ thu phí

1. Quy trình thu phí

a) Tại Trạm vào: Người điều khiển phương tiện dừng lại tại cabin làn vào. Nhân viên thu phí phát cho người điều khiển phương tiện Thẻ vào đường (thẻ thông minh; vé từ hoặc vé mã vạch).

b) Tại Trạm ra: Khi tới làn ra, người điều khiển phương tiện dừng lại tại cabin làn ra, đưa Thẻ vào đường cho nhân viên thu phí, thanh toán tiền phí và nhận chứng từ thu phí.

c) Riêng Trạm thu phí tại Km 212+200 (trạm dừng chung với Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình): Trường hợp xe đi từ đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình vào đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, đến trạm thu phí, chủ phương tiện trả Thẻ vào đường cao tốc, nộp tiền phí sử dụng đường cao tốc (theo quy định về thu phí của Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình), nhận chứng từ thu phí của dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và nhận Thẻ vào đường Pháp Vân - Cầu Giẽ. Trường hợp xe đi từ đường Pháp Vân - Cầu Giẽ và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, đến trạm thu phí, chủ phương tiện trả Thẻ vào đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, nộp phí sử dụng đường Pháp Vân - Cầu Giẽ (theo mức thu quy định tại Thông tư này), nhận chứng từ thu phí đường Pháp Vân - Cầu Giẽ và Thẻ vào đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

2. Đối với phương tiện sử dụng vé tháng, vé quý

Chủ phương tiện mua vé tháng, vé quý sẽ được cấp thẻ vé tháng (có giá trị sử dụng kể từ ngày 01 đến ngày kết thúc tháng), thẻ vé quý (có giá trị sử dụng kể từ ngày 01 của tháng đầu quý đến ngày kết thúc quý) và chứng từ thu phí. Khi qua trạm thu phí, chủ phương tiện thực hiện quét thẻ tại trạm vào, trạm ra và không phải nộp phí qua trạm.

Vé tháng, vé quý được sử dụng theo đúng đoạn tuyến theo quy định, nếu phương tiện đi vào các đoạn tuyến khác, chủ phương tiện phải mua vé của đoạn tuyến đó theo quy định. Khi hết hạn vé tháng, vé quý thì thẻ không còn giá trị sử dụng, chủ phương tiện phải mua vé tháng, vé quý tiếp theo để sử dụng.

3. Chứng từ thu phí

Chứng từ thu phí đường bộ sử dụng tại trạm thu phí đường bộ tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 159/2013/TT-BTC.

Điều 4. Quản lý và sử dụng tiền phí thu được

1. Phí sử dụng đường bộ tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội được thu, nộp, quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 159/2013/TT-BTC. Tổng số tiền thu phí hàng năm, sau khi trừ các khoản thuế theo quy định, được xác định là khoản tiền thu phí hoàn vốn theo phương án tài chính của Hợp đồng BOT Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội.

2. Đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội có trách nhiệm:

a) Tổ chức các điểm bán vé tại trạm thu phí thuận tiện cho người điều khiển phương tiện giao thông, tránh ùn tắc giao thông, bán kịp thời đầy đủ các loại vé theo yêu cầu của người mua, không hạn chế thời gian bán vé tháng, vé quý;

b) Thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp, sử dụng chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ theo quy định;

c) Báo cáo kết quả thu phí định kỳ tháng, quý, năm theo quy định của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 5 năm 2015.

Thời gian bắt đầu thu phí theo mức phí tại Thông tư này kể từ khi có đủ điều kiện sau: Dự án được Bộ Giao thông vận tải cho phép và đã thực hiện nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng; được Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định cho phép thu phí.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ để hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố Hà Nội;
- Công báo, Website chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công ty cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai



BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ
TUYÊN ĐƯỜNG PHÁP VÂN - CẦU GIỄ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kể theo Thông tư số 45/2015/TT-BTC ngày 07/4/2015 của Bộ Tài chính)

1. Mức thu vé lượt

Đơn vị: đồng/vé/lượt

Số TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Đoạn tuyến								
		Pháp Vân - Thường Tín và ngược lại	Pháp Vân - Vạn Điểm và ngược lại	Pháp Vân - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Thường Tín - Vạn Điểm và ngược lại	Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Vạn Điểm - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Vạn Điểm - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	15.000	35.000	45.000	45.000	15.000	30.000	30.000	10.000	10.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	25.000	50.000	60.000	60.000	25.000	45.000	40.000	20.000	15.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	30.000	65.000	75.000	75.000	35.000	60.000	55.000	25.000	20.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	40.000	80.000	115.000	110.000	40.000	75.000	70.000	30.000	25.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	65.000	130.000	180.000	175.000	70.000	120.000	110.000	50.000	40.000

2. Mức thu vé tháng

Đơn vị: đồng/vé/tháng

Số TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Đoạn tuyến								
		Pháp Vân - Thường Tín và ngược lại	Pháp Vân - Vạn Điểm và ngược lại	Pháp Vân - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Thường Tín - Vạn Điểm và ngược lại	Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Vạn Điểm - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Vạn Điểm - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	450.000	1.050.000	1.350.000	1.350.000	450.000	900.000	900.000	300.000	300.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	750.000	1.500.000	1.800.000	1.800.000	750.000	1.350.000	1.200.000	600.000	450.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	900.000	1.950.000	2.250.000	2.250.000	1.050.000	1.800.000	1.650.000	750.000	600.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	1.200.000	2.400.000	3.450.000	3.300.000	1.200.000	2.250.000	2.100.000	900.000	750.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	1.950.000	3.900.000	5.400.000	5.250.000	2.100.000	3.600.000	3.300.000	1.500.000	1.200.000

3. Mức thu vé quý

Đơn vị: đồng/vé/quý

Số T T	Phương tiện chịu phí đường bộ	Đoạn tuyến								
		Pháp Vân - Thường Tín và ngược lại	Pháp Vân - Vạn Điểm và ngược lại	Pháp Vân - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Thường Tín - Vạn Điểm và ngược lại	Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Vạn Điểm - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Vạn Điểm - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	1.215.000	2.835.000	3.645.000	3.645.000	1.215.000	2.430.000	2.430.000	810.000	810.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	2.025.000	4.050.000	4.860.000	4.860.000	2.025.000	3.645.000	3.240.000	1.620.000	1.215.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	2.430.000	5.265.000	6.075.000	6.075.000	2.835.000	4.860.000	4.455.000	2.025.000	1.620.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	3.240.000	6.480.000	9.315.000	8.910.000	3.240.000	6.075.000	5.670.000	2.430.000	2.025.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	5.265.000	10.530.000	14.580.000	14.175.000	5.670.000	9.720.000	8.910.000	4.050.000	3.240.000

Ghi chú:

- Xe có vé tháng, vé quý của đoạn tuyến Pháp Vân - Vạn Điểm được sử dụng tại các Trạm thu phí của dự án trên đoạn Pháp Vân - Vạn Điểm (bao gồm cả các Trạm tại nút giao Thường Tín);

- Xe có vé tháng, vé quý của đoạn tuyến Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình được sử dụng tại các Trạm thu phí của dự án trên đoạn Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (bao gồm cả các Trạm tại nút giao Vạn Điểm và nút giao Thường Tín);

- Xe có vé tháng, vé quý của đoạn tuyến Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình được sử dụng tại các Trạm thu phí của dự án trên đoạn Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (bao gồm cả các Trạm tại nút giao Vạn Điểm);

- Xe có vé tháng, vé quý của đoạn tuyến Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam được sử dụng tại các Trạm thu phí của dự án trên đoạn Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam (bao gồm cả các Trạm tại nút giao Vạn Điểm và Trạm tại Km 212+200, Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình);

- Xe có vé tháng, vé quý của đoạn tuyến Pháp Vân - Cầu Giẽ - Hà Nam được sử dụng tại tất cả các Trạm thu phí của dự án.

- Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế (trọng tải hàng hóa), căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký xe do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo moóc chuyên dùng): Áp dụng mức thu theo trọng lượng toàn bộ của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng./.